



LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

Hướng tới phát triển bền vững

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm
Bộ Nông nghiệp và Môi trường



NỘI DUNG

01 Giới thiệu chung

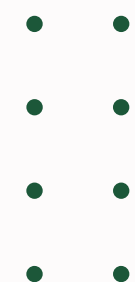
02 Quan điểm, mục tiêu đến năm 2030

03 Hệ thống chính sách

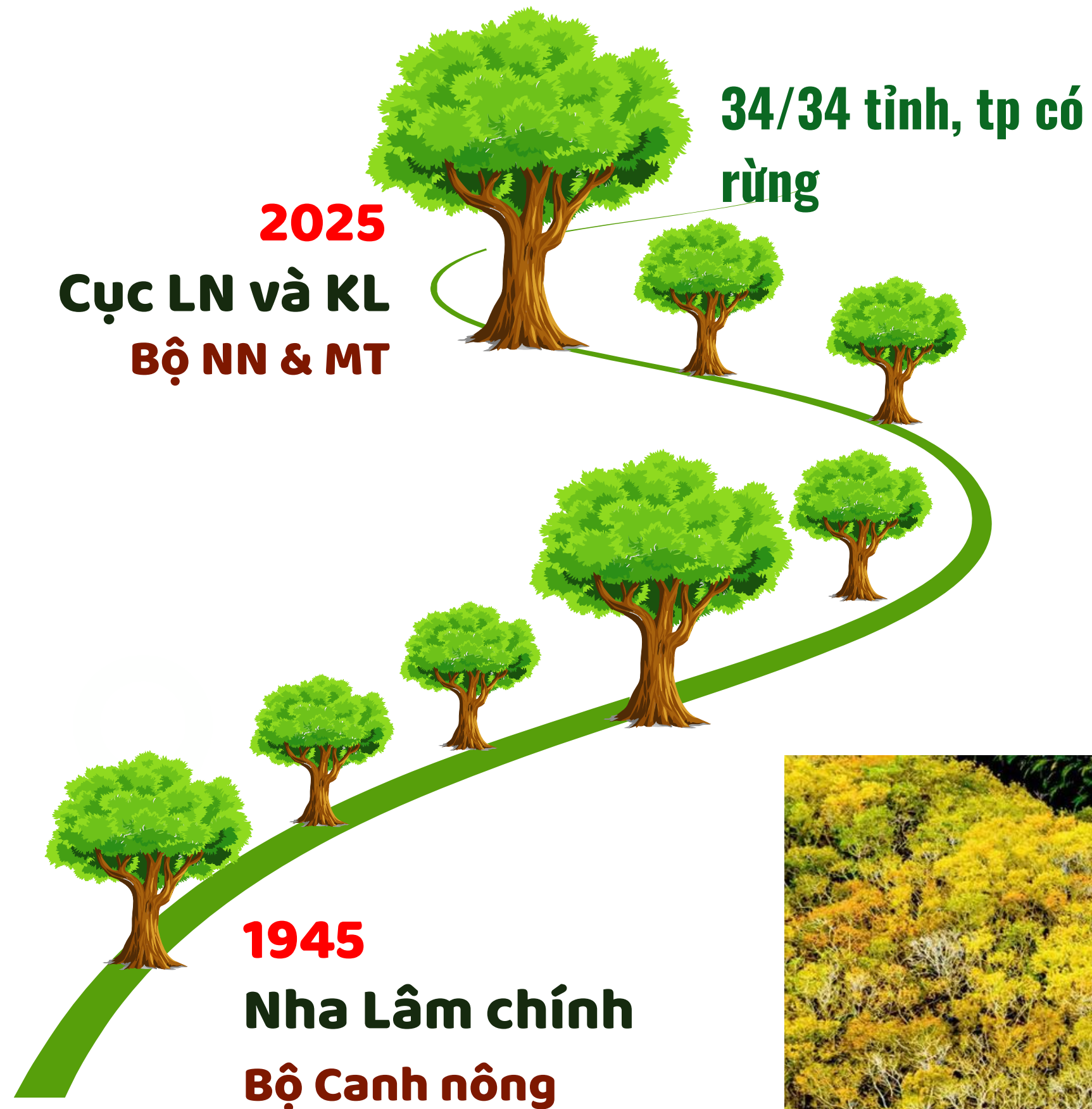
04 Kết quả giai đoạn 2021 - 2024

05 Khó khăn, thách thức

06 Định hướng 2030



I. GIỚI THIỆU



Chủ trương, chính sách

- Luật Lâm nghiệp năm 2017;
- Chiến lược Phát triển lâm nghiệp Việt Nam qua các thời kỳ 2006-2020 và 2021-2030;
- Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030



I. GIỚI THIỆU

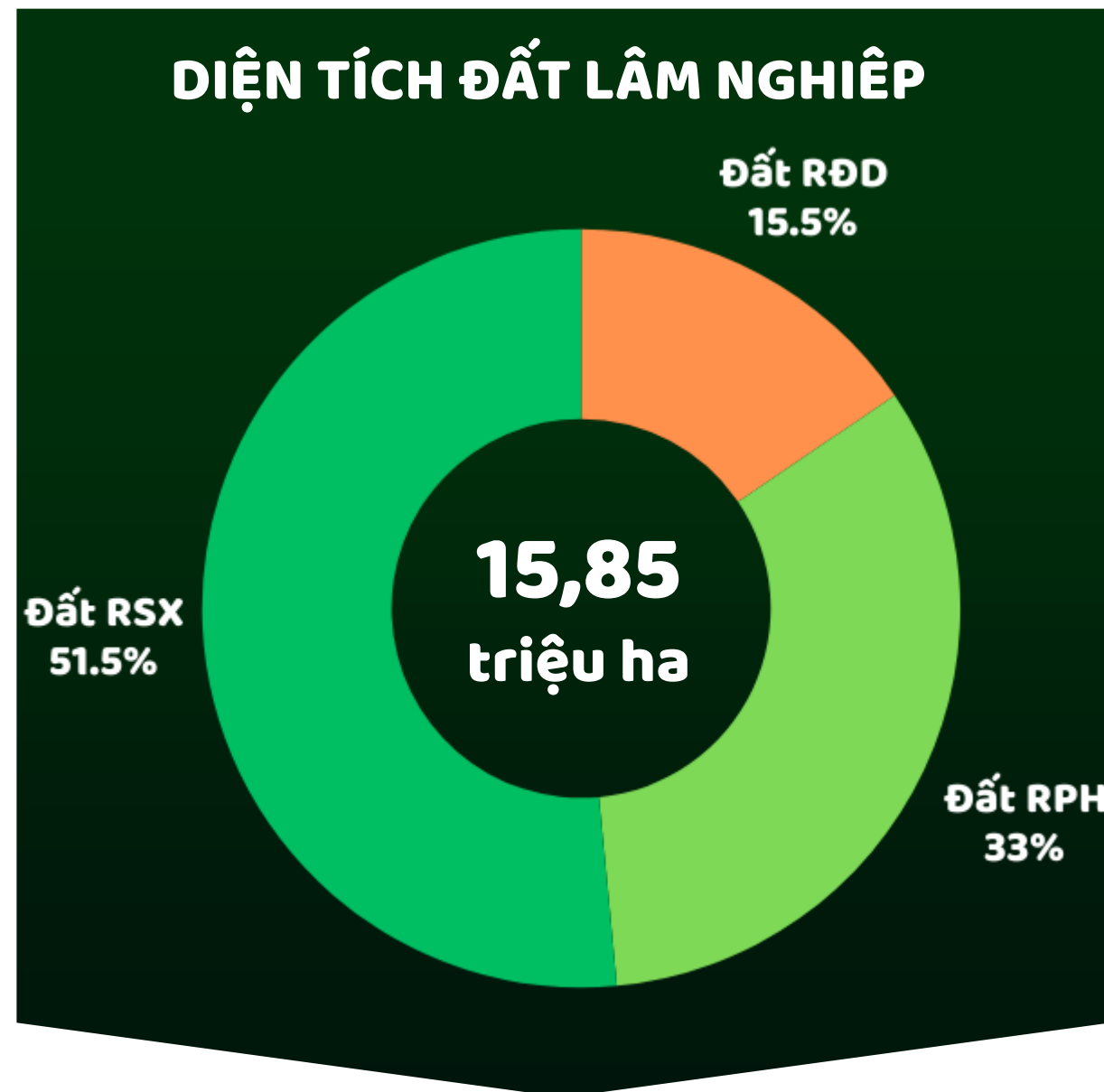
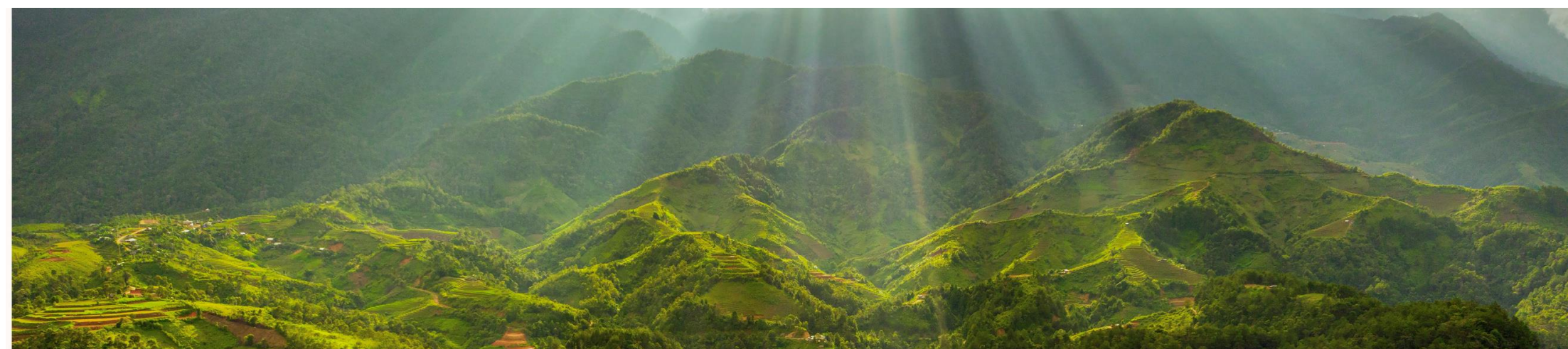
Thành tựu nổi bật giai đoạn 2021 - 2024

- Giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng bình quân **4,7%/năm**.
- Xuất khẩu lâm sản đạt kỷ lục **17,35 tỷ USD** (2024), đóng góp 30% giá trị xuất khẩu ngành nông nghiệp, **xuất siêu 14,6 tỷ USD**.
- Sản phẩm lâm sản Việt Nam có mặt tại gần **150 quốc gia**

KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG



**KHẸNG ĐỊNH VỊ THỂ TRUNG TÂM
SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU LÂM SẢN
HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI**



93,8%
diện tích
có rừng





II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU ĐẾN 2030

1. QUAN ĐIỂM

- Phát triển lâm nghiệp bền vững theo chuỗi giá trị: Bảo vệ rừng, sử dụng rừng đến chế biến và thương mại lâm sản
- Nâng cao giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng,
- hài hòa các mục tiêu kinh tế, xã hội, môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

2. MỤC TIÊU

KINH TẾ

- Tăng trưởng: **5,0-5,5%/năm.**
- Giá trị xuất khẩu: **23-25 tỷ USD..**
- Trồng rừng: **345.000 ha/năm**
- Phục hồi RPH, RĐD: **15.000 ha/năm.**
- Tổng sản lượng gỗ khai thác trong nước: **50 triệu m³.**
- Phát triển giá trị DVMT, **tăng 5%/năm.**

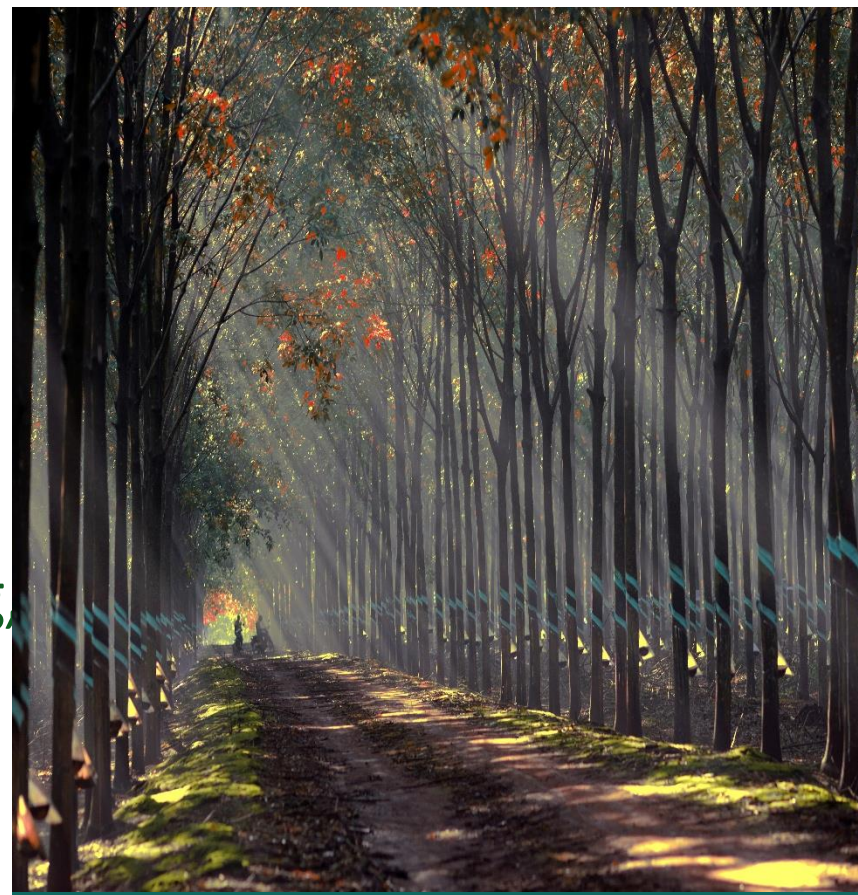
MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định: **42-43%,**
- Đóng góp hiệu quả vào việc thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính.
- 100% rừng tổ chức quản lý bền vững,
- 01 triệu ha rừng có chứng chỉ rừng.

III. HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH

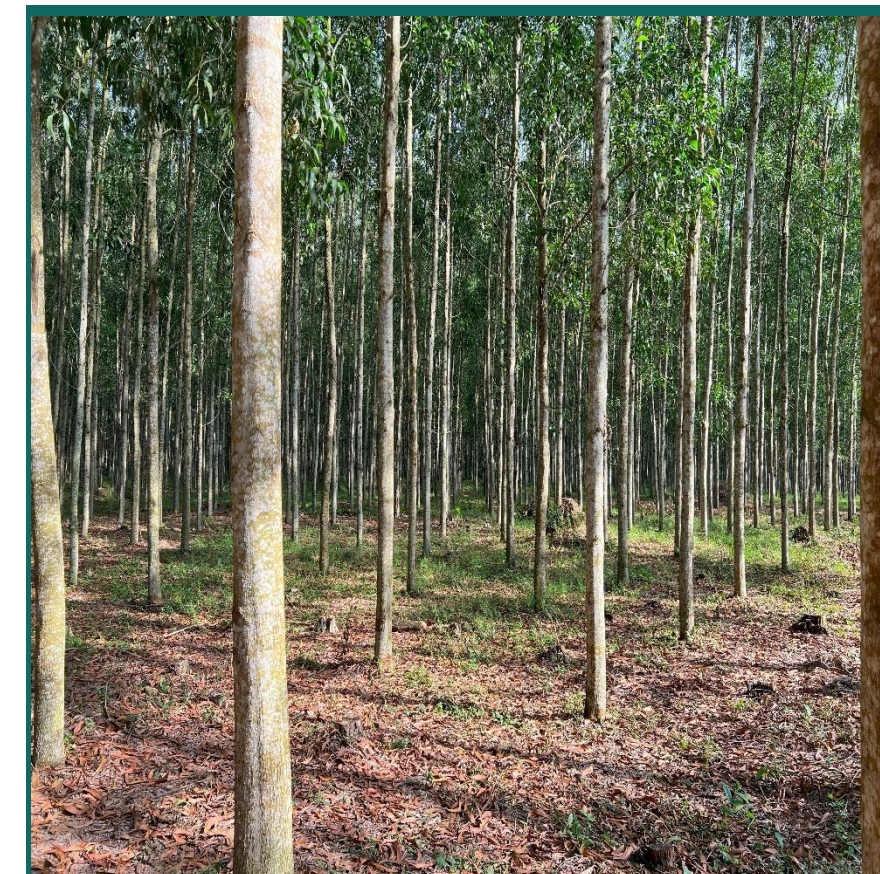
● Luật, nghị định

- ☑ 01 luật
- ☑ 19 nghị định,
- ☑ 06 quyết định Thủ tướng



● Hướng dẫn

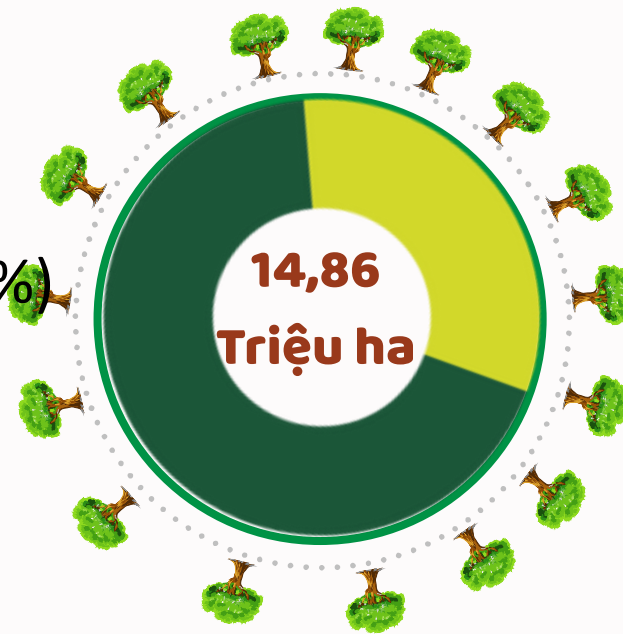
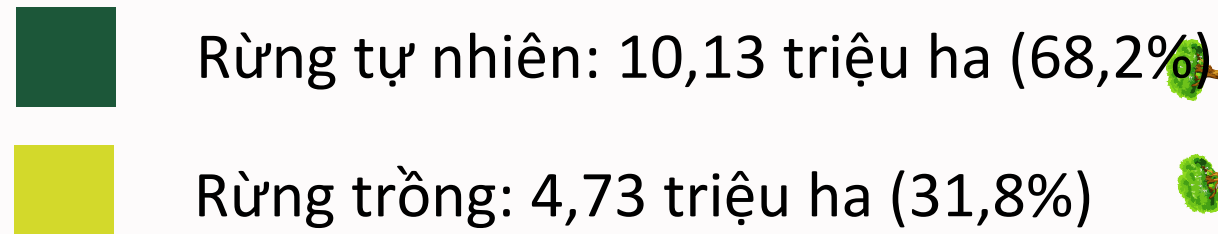
- ☑ 44 thông tư.
- ☑ 13 chương trình, đề án



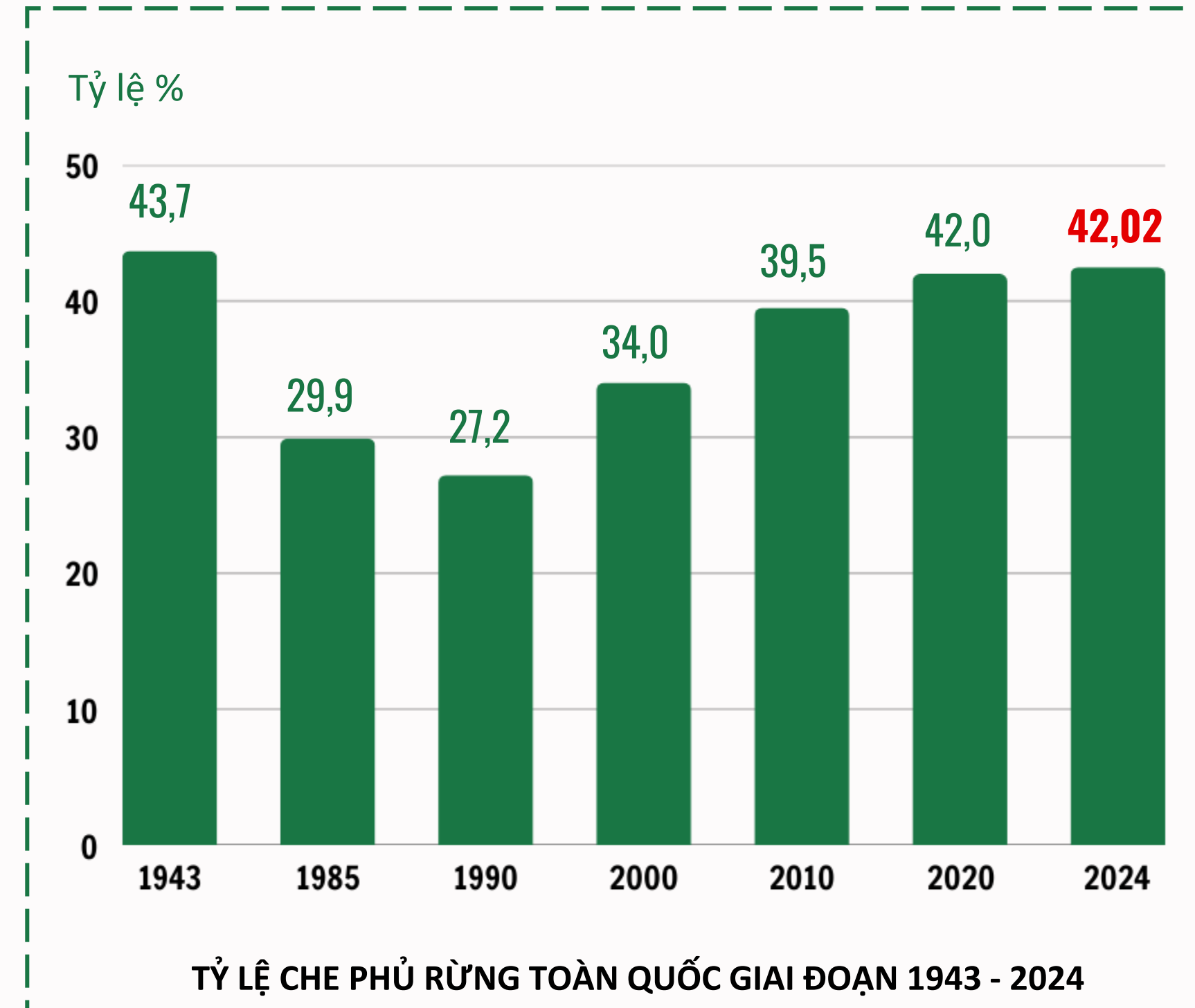
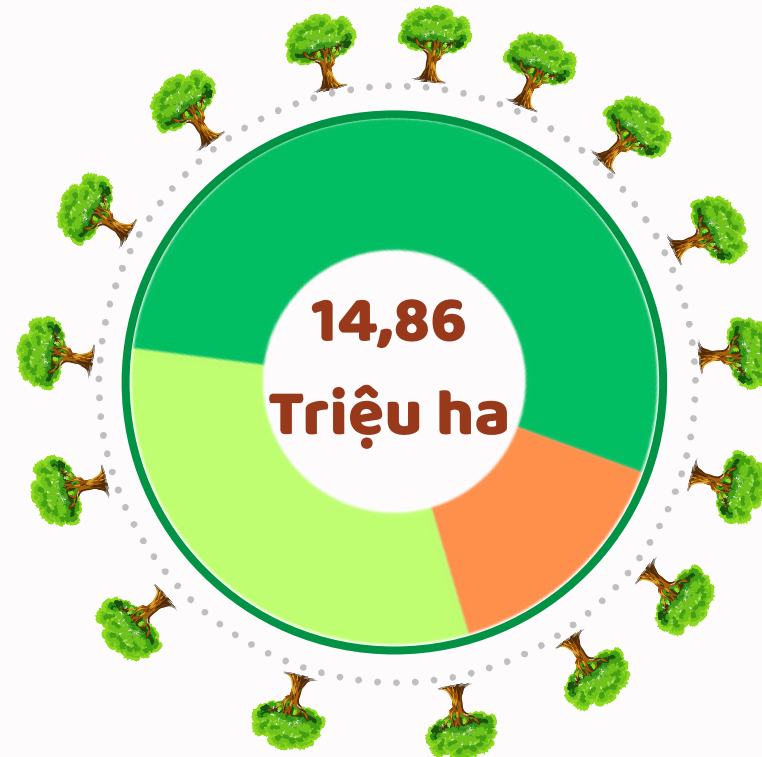
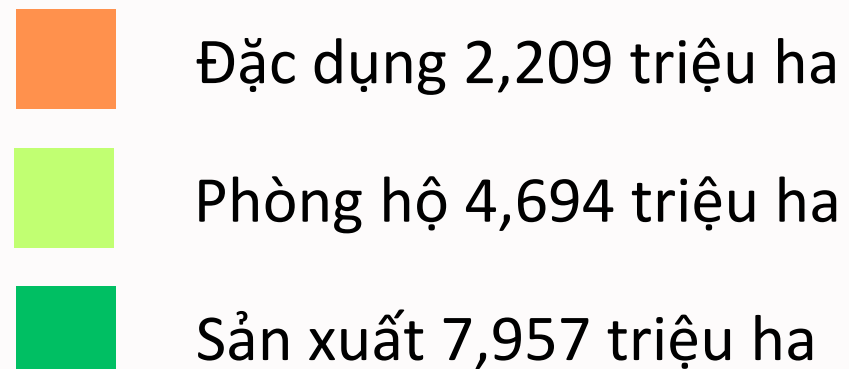
IV. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 - 2024

HIỆN TRẠNG RỪNG

Theo nguồn gốc



Theo mục đích



IV. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 - 2024

PHÁT TRIỂN RỪNG

Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh: **537.000 ha** (134 nghìn ha/năm).

Trồng rừng tập trung: **1,034 triệu ha** (258 nghìn ha/năm),
trong đó trồng gỗ lớn trên 445 nghìn ha.

Diện tích rừng trồng được chăm sóc: **2.344 nghìn ha** (585
nghìn ha/năm)



Trồng cây phân tán: **468 triệu cây** (117 triệu cây/năm)

Năng suất rừng trồng: khoảng **18 -25m3/ha/năm**.

Khoảng **85% diện tích** có kiểm soát và chứng nhận nguồn gốc.
Chuẩn bị 600-700 tr cây giống/năm



IV. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 - 2024

QUẢN LÝ RỪNG

- Thành lập khu rừng đặc dụng: **167 khu** (34 VQG, 58 khu dự trữ thiên nhiên), tổng diện tích trên 2,3 triệu ha.
- Rừng phòng hộ: **5,5 triệu ha** do **216 BQL** rừng phòng hộ, hộ gia đình, cộng đồng quản lý.
- Quản lý rừng bền vững: **75%** về diện tích đã xây dựng, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững.
- Cấp chứng chỉ rừng (8/2025): **680.000 ha** theo 02 hệ thống: VFCS/PEFC và FSC.



IV. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 - 2024

KHAI THÁC, CHẾ BIẾN VÀ THƯƠNG MẠI LÂM SẢN

- Khai thác: 31,0 triệu m³ (gỗ rừng trồng 23,2 tr m³), đáp ứng khoảng **75% nhu cầu** chế biến, thương mại.
- Cơ sở chế biến: 6.200 doanh nghiệp, 300 làng nghề làm mộc, 16 nghìn cơ sở chế biến gỗ quy mô hộ gia đình.
- Xuất khẩu: Năm 2024: **17,35 tỷ USD**, nhập khẩu 2,75 tỷ USD, **xuất siêu 14,6 tỷ USD**. Tăng trưởng trung bình quân trên 10%/năm. Thị trường 150 quốc gia và vùng lãnh thổ.

